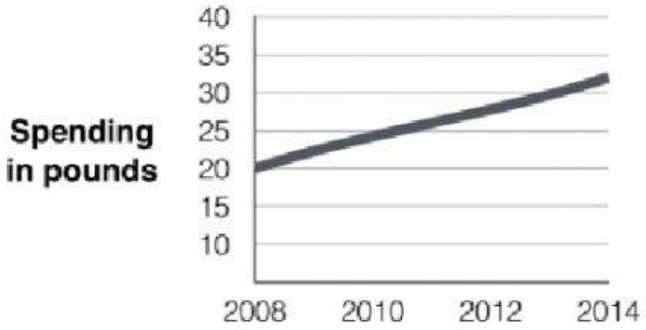
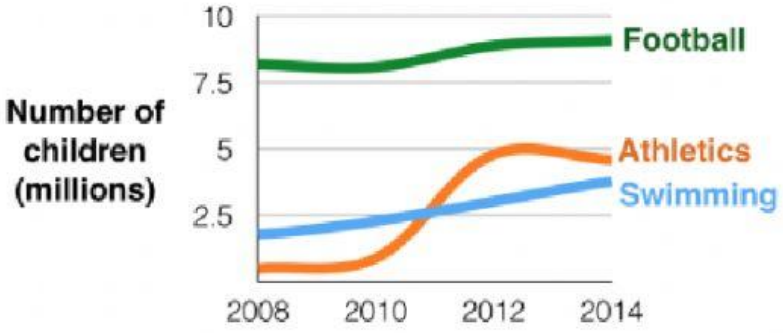
IVY IELTS
Trung tâm Anh ngữ

The first chart below gives information about the money spent by British parents on their children's sports between 2008 and 2014. The second chart shows the number of children who participated in three sports in Britain over the same time period.

Average monthly spend on children's sports



Participation in three different sports



Listen to the audio file, fill in the blank and shadow the text afterwards.

The line graphs (1)……..the average monthly amount that parents in Britain (2).....on their children's sporting	Biểu đồ đường thể hiện số tiền trung bình hàng tháng mà các bậc cha mẹ ở Anh đã chi cho các hoạt động thể thao của con cái họ và số trẻ em Anh tham gia ba môn thể thao khác

LIVEWORKSHEETS

IVY IELTS
Trung tâm Anh ngữ

activities and the number of British children who **took part** in three different sports from 2008 to 2014.	nhau từ năm 2008 đến năm 2014.
It is clear that parents **spent** (3).....money each year on their children's participation in sports over the six-year period. In terms of the number of children taking part, football was significantly more (4) ……than athletics and swimming.	Rõ ràng là các bậc cha mẹ đã chi nhiều tiền hơn mỗi năm cho việc con cái họ tham gia các môn thể thao trong khoảng thời gian sáu năm. Về số lượng trẻ em tham gia, bóng đá phổ biến hơn đáng kể so với điền kinh và bơi lội.
In 2008, British parents spent an average of around £20 per (5).....on their children's sporting activities. Parents' spending on children's sports (6)……**gradually** over the following six years, and by 2014 the average monthly amount had risen to just over £30.	Năm 2008, các bậc cha mẹ người Anh chi trung bình khoảng 20 bảng Anh mỗi tháng cho các hoạt động thể thao của con cái họ. Chi tiêu của cha mẹ cho thể thao của con cái **tăng dần** trong sáu năm sau đó và đến năm 2014, số tiền trung bình hàng tháng chỉ tăng lên hơn 30 bảng Anh.
Looking at participation numbers, in 2008 approximately 8 million British children **played** football, while only (7).....million children **were enrolled** in swimming clubs and less than 1 million **practised** athletics. The figures for football participation **remained relatively stable** over the following 6 years. By contrast, participation in swimming almost (8)……, to nearly 4 million children, and there **was a near fivefold increase** in the (9) ……..of children doing athletics.	Nhìn vào số lượng người tham gia, năm 2008 có khoảng 8 triệu trẻ em Anh chơi bóng đá, trong khi chỉ có 2 triệu trẻ em đăng ký tham gia các câu lạc bộ bơi lội và chưa đến 1 triệu trẻ em tập luyện điền kinh. Số liệu về tỷ lệ tham gia bóng đá **vẫn tương đối ổn định** trong 6 năm sau đó. Ngược lại, tỷ lệ trẻ em tham gia bơi lội tăng gần gấp đôi, lên gần 4 triệu trẻ em, và số trẻ em tập luyện điền kinh tăng gần gấp 5 lần.

LIVEWORKSHEETS